

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HS-ST

Ngày 18-8-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Thanh Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thanh C và bà Tô Thị Lành.

**- T ký phiên tòa:** Ông Thủy Sơn Phương - T ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Cao Văn T** (Tên gọi khác: Cao Văn T1), sinh năm 1989, tại Hải Dương; nơi cư trú: Thôn T2, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn Đ và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Phạm Thị Mai H và 1 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 24/2009/HSST ngày 22-9-2009, Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai xử phạt 7 tháng 1 ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; bị bắt tạm giữ ngày 15-10-2019 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

2. **Phạm Ngọc C**, sinh năm 1996, tại Gia Lai; nơi cư trú: Thôn T1, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc Q và bà Lê Thị H; bị cáo có vợ là Điều Thị Thùy Tr và 1 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giữ ngày 15-10-2019 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

**Bị hại:** Bà Đào Thị Thanh N; sinh năm 1983; địa chỉ: 50 đường L, phường TN, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Lê Thị H; sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn T2, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

### 1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Cao Văn T và Phạm Ngọc C có quan hệ quen biết nhau, cả hai cùng có sử dụng ma túy. Đầu tháng 8 năm 2019, C mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter (chưa xác định được biển số) của bạn là Vũ Chí Th, ở xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ cụ thể) để làm phương tiện đi lại. Sáng ngày 05-8-2019, C điều khiển xe mô tô nêu trên đến nhà T ở Thôn T2, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai, rủ T đi mua ma túy để sử dụng. Do không có tiền, nên T nảy sinh ý định và rủ C đến thành phố P tìm người sơ hở để cướp giật tài sản, lấy tiền mua ma túy; C đồng ý. Sau đó, T tháo biển số 81B1-372.95 từ xe mô tô nhãn hiệu Ciriz của T gắn vào xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter của C để che giấu đặc điểm xe và dùng xe này làm phương tiện đi cướp giật tài sản.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, Cao Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter, gắn biển số 81B1-372.95 đi dạo trên địa bàn thành phố P để tìm cơ hội cướp giật tài sản của người đi đường. Khi đi đến đường L, thuộc phường Y, thành phố P (hướng từ đường L1 đi đường L2), T phát hiện có bà Đào Thị Thanh N đang điều khiển xe mô tô biển số 81B1-892.59 lưu thông phía trước cùng chiều, trên cổ bà N có đeo dây chuyền vàng. T chỉ cho C thấy và nói: “*Bà kia có đeo dây chuyền kìa*”, C nhìn thấy và nói: “*Giật đi*”. Khi đi đến đoạn trước số nhà 389 đường 1, thuộc tổ 12, phường Y, thành phố P, T điều khiển xe mô tô áp sát bên trái xe mô tô do bà N điều khiển, để C dùng tay phải giật mạnh sợi dây chuyền bằng vàng 18K (loại vàng PNJ) trọng lượng 3 chỉ và mặt dây chuyền bằng vàng 18K (loại vàng PNJ) trọng lượng 1 chỉ dạng vòng tròn đính đá, mà bà N đang đeo trên cổ. Theo phản xạ, bà N dùng tay trái giữ lại, nhưng do C giật mạnh nên sợi dây chuyền bị đứt và làm rách da chảy máu ở ngón trỏ bàn tay trái của bà N. Sau khi C giật được sợi dây chuyền, T tăng ga điều khiển xe mô tô chạy thoát. Sợi dây chuyền và mặt dây chuyền chiếm đoạt được nêu trên, T và C mang đến khu vực trung tâm thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai bán cho một người phụ nữ (chưa xác định được họ tên, lai lịch) được 4.300.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết. Đối với bà N, sau khi bị cướp giật dây chuyền, đã đến Công an phường Y, thành phố P trình báo. Đến ngày 14-10-2019, T và C đến Công an thành phố P đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật dây chuyền của bà N như nêu trên. Quá trình điều tra, do chưa xác định được người phụ nữ đã mua dây chuyền và mặt dây chuyền, nên Cơ quan điều tra chưa thu hồi được dây chuyền và mặt dây chuyền mà T và C đã chiếm đoạt của bà N.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Cao Văn T và Phạm Ngọc C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

## 2. Các vấn đề khác:

Ngày 05-9-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P ra yêu cầu định giá tài sản, tại Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 175B/KL-HĐĐG ngày 09-12-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P, kết luận:

*“- 1 dây chuyền vàng 18K (loại PNJ), trọng lượng 3 chỉ, dạng xoắn mua mới vào tháng 10-2017 với giá 9.000.000 đồng, sử dụng đến ngày 05-8-2019 bị chiếm đoạt, hiện chưa thu hồi được; có trị giá là 7.200.000 đồng/3 chỉ.*

*- 1 mặt dây chuyền vàng 18K (loại PNJ), trọng lượng 1 chỉ, dạng vòng tròn đính đá, mua mới vào tháng 10-2017 với giá 3.000.000 đồng, sử dụng đến ngày 05-8-2019 bị chiếm đoạt, hiện chưa thu hồi được; có trị giá là 2.400.000 đồng/1 chỉ”.*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Cao Văn T và Phạm Ngọc C không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

## 3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 98/CT-VKS ngày 17-6-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Cao Văn T và Phạm Ngọc C về tội “*Cướp giết tài sản*” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Cao Văn T và Phạm Ngọc C và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Cao Văn T và Phạm Ngọc C phạm tội “*Cướp giết tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Cao Văn T với mức án tù 3 năm 6 tháng đến 4 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15-10-2019.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C với mức án tù 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15-10-2019.

Các bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về dân sự: Buộc bị cáo Cao Văn T phải bồi Tòng cho bà Đào Thị Thanh N 7.000.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Cao Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Các bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi sai trái của mình và cam đoan sẽ không phạm tội nữa, xin Hội đồng xét xử xem xét và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo:

Xét thấy lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Cao Văn T và Phạm Ngọc C phạm tội như sau:

Với thủ đoạn lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bà Đào Thị Thanh N khi đeo dây chuyền vàng và điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường, khoảng 13 giờ ngày 05-8-2019 tại đường L1, đoạn trước số nhà 389, thuộc tổ 12, phường Y, thành phố P, Cao Văn T và Phạm Ngọc C đã cùng nhau sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter (gắn biển số 81B1-372.95) làm phương tiện để áp sát, cướp giật sợi dây chuyền và mặt dây chuyền bằng vàng 18K (loại PNJ) tổng giá trị 9.600.000 đồng của bà Đào Thị Thanh N, rồi tẩu thoát. Đến ngày 14-10-2019, Cao Văn T và Phạm Ngọc C ra đầu thú.

Hành vi nhanh chóng giật lấy tài sản của bà Đào Thị Thanh N một cách công khai rồi tẩu thoát của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Với việc thực hiện hành vi này, các bị cáo đã phạm tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự, các bị cáo dùng xe mô tô làm phương tiện để thực hiện tội phạm vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 của điều luật là “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm mang tính giản đơn. Trong đó, Cao Văn T là người rủ rê, trực tiếp phát hiện bị hại có tài sản và là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo Phạm Ngọc C ngồi phía sau, tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo Phạm Ngọc C thực hiện hành vi phạm tội. Phạm Ngọc C có vai trò là người thực hành, trực tiếp dùng tay thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một hình phạt tương xứng.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Cao Văn T có nhân thân xấu. Ngày 22-9-2009, bị Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai xử phạt 7 tháng 1 ngày tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo Cao Văn T vẫn không có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; không có ý thức tự cải tạo bản thân. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Cao Văn T với một mức án nghiêm khắc để bị cáo Cao Văn T có đủ thời gian học tập, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, cũng xét cho các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ý thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và đến Công an thành phố P đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Phạm Ngọc C đã tác động gia đình bồi Tòng cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về dân sự: Bà Đào Thị Thanh N yêu cầu các bị cáo phải bồi thường sợi dây chuyền và mặt dây chuyền bị chiếm đoạt với số tiền 14.000.000 đồng. Bị cáo Phạm Ngọc C đã tác động gia đình bồi thường cho bà N 7.000.000 đồng; tại phiên tòa, bị cáo Cao Văn T chấp nhận bồi thường cho bà N 7.000.000 đồng còn lại.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Jupiter (chưa xác định được biển số) là phương tiện Cao Văn T chở Phạm Ngọc C đi cướp giật tài sản, C khai sau đó đã trả lại cho Vũ Chí Th; việc C và T sử dụng xe trên làm phương tiện đi cướp giật tài sản, Th không biết. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành xác minh, nhưng chưa xác định được người tên Vũ Chí Th nói trên. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định và làm việc được với Vũ Chí Th, sẽ xem xét, xử lý sau.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Ciriz biển số 81B1-372.95, là xe mà Cao Văn T đã tháo biển số và gắn vào xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter do Phạm Ngọc C mượn của Vũ Chí Th, để làm phương tiện cướp giật, qua điều tra xác định: Xe trên do T mua lại của người khác, nhưng không làm thủ tục đổi tên người đăng ký; sau thời điểm cùng với C cướp giật tài sản, T đã bán lại xe cho người khác, nhưng không xác định họ tên, địa chỉ người mua, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không thu giữ được.

Đối với hành vi giật mạnh sợi dây chuyền, làm rách da, chảy máu ở ngón trỏ bàn tay trái của bà Đào Thị Thanh N do Phạm Ngọc C thực hiện, quá trình

điều tra vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã ra Quyết định trưng cầu giám định mức độ tổn hại sức khỏe của bà N, để có căn cứ xem xét, xử lý đối với C và Cao Văn T. Tuy nhiên, do thương tích không đáng kể, nên bà N đã làm đơn từ chối giám định thương tích. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét, xử lý đối với C và T về vấn đề này là đúng quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng nữ, là người theo các bị cáo Cao Văn T và Phạm Ngọc C khai đã mua sợi dây chuyền và mặt dây chuyền do T và C cướp giật được mang đến bán, ở khu vực trung tâm thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai, quá trình điều tra do T và C không biết rõ họ tên, địa chỉ của đối tượng trên, nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được đối tượng nữ nêu trên, sẽ làm rõ và xử lý sau.

Quá trình điều tra vụ án, các bị cáo Cao Văn T và Phạm Ngọc C khai đã mua ma túy của đối tượng tên Tr, ở khu vực ngã tư đường H và đường T3, phường I, thành phố P, nhưng không biết rõ họ tên, địa chỉ của đối tượng Tr nêu trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục xác minh, khi nào xác định được đối tượng trên Tr nêu trên, sẽ làm rõ và xử lý sau.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Cao Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cao Văn T.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Ngọc C.

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Cao Văn T và Phạm Ngọc C phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Cao Văn T 04 (*bốn*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15-10-2019.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C 03 (*ba*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15-10-2019.

3. Về bồi thường thiệt hại:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Cao Văn T phải bồi thường cho bà Đào Thị Thanh N 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

#### 4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Cao Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

#### 5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bà Lê Thị H và bà Đào Thị Thanh N có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- UBND xã Ia Hrun, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL và NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Cao Thị Thanh Huyền**